



NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT KHI HỌC TẠI TDTU NĂM 2019

GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH DÀNH CHO CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN

(Trích từ quy định đào tạo Tiếng Anh cho sinh viên chính quy chương trình tiêu chuẩn)

- Chuẩn đầu ra Tiếng Anh chương trình tiêu chuẩn (Creative English): Sinh viên chương trình tiêu chuẩn sau khi hoàn thành chương trình sẽ đạt được trình độ B1 (quốc tế), từ IELTS 5.0 trở lên (hoặc các chứng chỉ quốc tế khác tương đương).
- Tiếng Anh chương trình tiêu chuẩn gồm có 6 cấp độ (3 cấp độ chính thức, 3 cấp độ dự bị không thuộc chương trình đào tạo). Cấp độ lớp của sinh viên được xếp căn cứ vào kết quả kiểm tra trình độ Tiếng Anh đầu khóa hoặc chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (do sinh viên nộp vào) theo bảng 1.
- Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế đạt mức điểm tối thiểu để được xét miễn một số cấp độ Tiếng Anh: TOEIC \geq 450 (L+R), 30 (W), 50 (S); TOEFL iBT \geq 31; IELTS 4.0; KET/PET \geq 120.
- Sinh viên sau khi tham gia kỳ thi xếp lớp ở trình độ Tiếng Anh dự bị 3 trở xuống, phải đăng ký học Tiếng Anh tối thiểu 2 cấp lớp một học kỳ cho đến khi bảo đảm lộ trình chuẩn của chương trình; Sinh viên chưa đạt Tiếng Anh 3, phải đăng ký học Tiếng Anh ít nhất 01 cấp lớp/học kì.
- Kết thúc English Community 3, sinh viên tham gia kỳ thi chứng chỉ quốc tế để xét đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh.
- Sinh viên **không đạt được các cấp độ Tiếng Anh tối thiểu** theo quy định thuộc lộ trình đào tạo của TDTU, sinh viên **không được phép đăng ký** các môn học khác/môn chuyên ngành để tập trung học Tiếng Anh đạt yêu cầu theo quy định.

Bảng 1- Tiếng Anh dành cho chương trình tiêu chuẩn (Creative English)

STT	TÊN HỌC PHẦN	Điểm bài thi xếp lớp	Tiết trên lớp	Tiết E-learning	Điểm IELTS (xét miễn)	Điểm TOEFL iBT (xét miễn)	Điểm Cambridge Exams (xét miễn)	Điểm Cambridge BEC (xét miễn)	TOEIC (xét miễn)		
		CEPT (Đọc & Nghe)							Nghe & Đọc	Viết	Nói
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH DỰ BỊ TẬP TRUNG											
1	English Foundation 1	< 15	75	25							
2	English Foundation 2	15 đến < 20	75	25							
3	English Foundation 3	20 đến < 30	75	25							
CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH CHÍNH THỨC											
4	English Community 1	30 đến < 35	75	25	4.0	≥ 31	KET/PET ≥ 120		≥ 450	≥ 30	≥ 50
5	English Community 2	35 đến < 40	75	25	4.5	≥ 34	PET/FCE ≥ 120	Pre. ≥ 120	≥ 500	≥ 70	≥ 90
6	English Community 3	40 đến < 50	75	25	5.0	≥ 45	PET/FCE ≥ 140	Pre. ≥ 140	≥ 550	≥ 120	≥ 120

❖ **Điều kiện đạt từng cấp độ:**

Sinh viên phải hoàn thành đầy đủ các nội dung sau:

- Hoàn thành 80% khối lượng bài tập được giao.
- Bảo đảm chuyên cần theo đúng yêu cầu của trung tâm và nhà trường.
- Tham gia câu lạc bộ kỹ năng theo yêu cầu của chương trình
- Điểm tổng kết cấp độ (ĐTK) đạt từ 70.
- Bài thi cuối kỳ đạt tối thiểu:
 - English Foundation 1 và English Foundation 2: từ 38% trên tổng điểm bài thi, tương đương 15 điểm/30.
 - English Foundation 3 và English Community 1: từ 50% trên tổng điểm bài thi, tương đương 15 điểm/30 điểm.
 - English Community 2 đến English Community 3: từ 50% trên tổng điểm bài thi, tương đương 15 điểm/30 điểm.

❖ Phương thức đánh giá:

Sinh viên được đánh giá tập trung vào quá trình học. Việc đánh giá không tập trung vào một bài kiểm tra định chuẩn (standardized tests) mà sẽ mở rộng việc theo dõi cả quá trình học tập của sinh viên, giúp sinh viên có trách nhiệm hơn, phát huy điểm mạnh và khắc phục điểm yếu.

- Điểm đánh giá quá trình (ĐQT): tỉ trọng 70% (theo thang 100), tương đương 70 điểm
 - Điểm đánh giá cuối kỳ* (ĐCK): tỉ trọng 30% , tương ứng 30 điểm
 - Điểm đánh giá theo thang 100. Điểm tổng kết (ĐTK) = ĐQT + ĐCK
- *Điểm cuối kỳ phải đạt điều kiện tại mục Điều kiện đạt từng cấp độ.

Khung mô tả các loại hình kiểm tra đánh giá cho Creative English					
Phương thức	Mục tiêu	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Số lần yêu cầu	Điểm thành phần
Đánh giá Quá trình (70%) Tại lớp	Theo dõi lộ trình phát triển, phản hồi kịp thời về những kỹ năng sinh viên cần cải thiện	1. Tham gia lớp học (Participation)	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng bài - Sẵn sàng và tập trung - Chuyên cần - Tham gia skills clubs 	1	10
		2. Kiểm tra mức độ tiến bộ (Progress tests)	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu trúc, ngữ pháp - Từ vựng - Viết ngắn 	2	10
		3. Thực hành kỹ năng nói (Speaking Portfolio)	<ul style="list-style-type: none"> - Thời lượng bài nói - Khả năng hoàn thành - Đánh giá từ thành viên - Phát âm - Tương tác với thành viên và GV 	5	10
		4. Viết tự luận (Reflective Paper)	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung ý tưởng - Phát triển tư duy - Chất lượng bài viết 	1	10
		5. Dự án (Group Project; Classroom Presentation)	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng thuyết trình nhóm lớp - Khả năng ngôn ngữ - Sắp xếp, tổ chức - Nội dung và tư duy phản biện - Hình thức trình bày và viết ghi chú - Tổng thể 	1	30
Kiểm tra cuối kỳ (30%) Tập trung	Đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên	6. Kỹ năng Đọc, Kiến thức về ngôn ngữ và Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức ngôn ngữ - Đọc và ngữ pháp - Nghe hiểu và nghe viết ghi chú 	1	30